

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 2 năm 2025

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KỲ II
MÔN HỌC: LỊCH SỬ 10
Năm học 2024 – 2025

BÀI 7: CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI

1. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba

1.1. Bối cảnh lịch sử: (Giảm tải)

1.2. Những thành tựu cơ bản

a. Máy tính

- Máy tính điện tử ra đời đã dẫn đến tự động hóa trong quá trình sản xuất, giải phóng sức lao động
- Đến những năm 90 của thế kỉ XX, nhiều lĩnh vực, nhiều ngành nghề đã được điều khiển bằng máy tính

b. Sự ra đời của Internet

- Internet được phát minh năm 1957 bởi văn phòng Xử lí Công nghệ thông tin ARPA (Mỹ)
- Năm 1969, Internet được khai thác sử dụng, từ năm 1991 Web và internet phát triển một cách nhanh chóng.

c. Sự bùng nổ công nghệ thông tin

- Công nghệ thông tin là một nhánh ngành kĩ thuật máy tính và phần mềm để chuyển đổi, lưu giữ, bảo vệ, xử lý, truyền tải và thu thập thông tin.
- Công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu

d. Các thiết bị điện tử

- Thiết bị điện tử là loại thiết bị có chứa linh kiện bán dẫn và cá mạch điện tử cho phép tự động hóa trong các quá trình công nghệ và kiểm tra sản phẩm
- Nhiều thiết bị được chế tạo, như thiết bị viễn thông, thiết bị thu thanh và truyền hình, thiết bị y tế....
- Các mạng công nghiệp còn đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực chế tạo vật liệu mới, chinh phục vũ trụ, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, sử dụng nguồn năng lượng mới, công nghệ sinh học...

2. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.1. Bối cảnh lịch sử: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu từ thế kỷ XXI, Mỹ, Đức, Nhật Bản, Anh, Pháp,... tiếp tục là những quốc gia đi đầu trong cuộc cách mạng này.

2.2. Những thành tựu cơ bản

a. Trí tuệ nhân tạo

- Trí tuệ nhân tạo là khoa học và kĩ thuật sản xuất máy móc thông minh
- Trí tuệ nhân tạo được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như nhà máy thông minh, giao thông vận tải, y tế, giáo dục, xây dựng...

b. Internet kết nối vạn vật

- Là mối quan hệ giữa các sự vật như sản phẩm, dịch vụ, địa điểm...và con người, hình thành nhờ sự kết nối của nhiều công nghệ và nhiều nền tảng khác nhau (xe thông minh, nhà máy thông minh, giao thông ...)

c. Dữ liệu lớn

- Là một tập hợp dữ liệu rất lớn và phức tạp bao gồm các khâu phân tích, thu thập, giám sát dữ liệu, tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, trực quan, truy vấn và tính riêng tư.
- Được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như sản xuất, xây dựng, giao thông vận tải, quản lý nhà nước...

d. Công nghệ sinh học

- Công nghệ sinh học và sự phát triển của các ngành, đa ngành cũng đạt được nhiều thành tựu to lớn.
- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực vật lý, máy in 3D, công nghệ na-nô...

e. Lĩnh vực y tế

- Là một siêu máy tính, một trí thông minh nhân tạo, các mẫu bệnh sẽ được thu thập, tổng hợp các thông tin từ ADN → máy tính phân tích và đưa ra phương pháp điều trị tối ưu nhất
- Lập bản đồ gen để phục vụ cho nghiên cứu di truyền, xét nghiệm di truyền

f. Lĩnh vực vật lý: Thành tựu chủ yếu máy in 3D, Công nghệ nano, người máy thông minh, xe tự lái...

3. Ý nghĩa, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư

3.1. Ý nghĩa

- Tạo ra các ngành sản xuất tự động, năng suất lao động tăng cao. Có thể giải quyết một tổ hợp lớn các bài toán sản xuất công nghiệp hiện đại và đem lại hiệu quả kinh tế to lớn
- Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đã đưa nhân loại sang nền văn minh thông tin
- Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư đã thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

3.2. Tác động

a. Đối với xã hội

- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư tác động mạnh mẽ đến xã hội với sự xuất hiện của giai cấp công nhân hiện đại.
- Giai cấp công nhân tiếp tục giữ vai trò là lực lượng chính trị - xã hội chủ yếu trong cuộc đấu tranh chính trị
- Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư tác tiêu cực như gia tăng khoảng cách giàu nghèo, xói mòn bản sắc văn hóa....

b. Đối với văn hóa

- Tích cực:

- + Mở rộng mối giao lưu và quan hệ giữa con người với con người
- + Thúc đẩy các cộng đồng, các dân tộc, các nền văn hóa xích lại gần nhau hơn.
- + Đưa tri thức thâm nhập sâu vào nền sản xuất vật chất
- + Tác động mạnh mẽ đến xu hướng tiêu dùng của người dân

- Tiêu cực:

- + Làm tăng sự lệ thuộc của con người vào công nghệ
- + Phát sinh tình trạng văn hóa “lai căng”
- + Nguy cơ đánh mất văn hóa truyền thống
- + Xung đột giữa nhiều yếu tố, giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại.

BÀI 8: HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI

1. Từ những TK trước công nguyên – TK.VII

- Từ đầu công nguyên – TK.VII, nhiều quốc gia sơ kì hình thành → là thời kì dung hợp giữa văn hóa bản địa với VH Ấn, Trung Hoa
- Nhà nước ra đời là thành tựu văn minh nổi bật ở Đông Nam Á

2. Từ những TK.VII đến đầu TK.XV

- Từ TK. VII – V:

+ Hình thành các quốc gia mới

+ Các quốc gia nhỏ bị thôn tính, hợp nhất như Ăng-co và Sri Vi-giay-a

- **Từ TK.X – XV:** Hình thành các quốc gia lớn mạnh: Đại Việt, Ăng-co, Chăm-pa, Pa-gan, Lan Xang....

- **Kết luận:**

+ Giai đoạn này là thời kì định hình bản sắc với những thành tựu đặc sắc và sang tạo trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa

+ Sự xâm nhập và lan tỏa của Hồi giáo, tạo nên những sắc thái mới cho văn minh Đông Nam Á

2. Từ những TK.XVI đến TK.XIX

- Đây là giai đoạn khủng hoảng và suy vong của nhiều quốc gia

- Gắn liền với quá trình xâm nhập của các nước phương Tây (mở đầu là Bồ Đào Nha đánh chiếm Ma-lác-ca, 1511)

- Sự xâm nhập của phương tây cũng mang đến nhiều yếu tố văn hóa mới

BÀI 9: THÀNH TỰU TIÊU BIỂU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI

1. Tín ngưỡng và tôn giáo

* *Tín ngưỡng*

Cư dân Đông Nam Á có chung nhiều tín ngưỡng bản địa, như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ thần tự nhiên, thờ thần động vật,...

* *Tôn giáo*

Là nơi hội tụ các tôn giáo lớn của thế giới là Phật giáo, Hin-đu giáo, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo.

→ Có ảnh hưởng sâu rộng tới đời sống của cư dân trong khu vực.

- Cư dân tiếp thu Phật giáo và Hin-đu giáo từ Ấn Độ thông qua con đường thương mại và truyền giáo từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên.

- Người Việt chủ yếu tiếp nhận hệ tư tưởng Nho giáo và các tôn giáo từ Trung Quốc.

2. Tìm hiểu về văn tự và văn học

- *Văn tự:*

+ Tiếp thu hệ thống chữ viết của Ấn Độ, cư dân Đông Nam Á đã sáng tạo ra chữ viết riêng.

+ Người Việt tiếp thu một phần hệ thống chữ Hán của Trung Quốc và sáng tạo ra chữ Nôm.

- *Văn học:* Kho tàng văn học dân gian phong phú với nhiều thể loại, như truyền thuyết, sử thi, truyện cổ tích, truyện thơ, ca dao, tục ngữ,...

+ Văn học viết ở Đông Nam Á ra đời khá muộn (khoảng thế kỉ X - thế kỉ XIII).

+ Chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn học Ấn Độ, Trung Quốc, Ả Rập và phương Tây.

3. Tìm hiểu về kiến trúc và điêu khắc

* *Kiến trúc*

- *Kiến trúc dân gian:* nhà sàn là biểu tượng văn hoá thích hợp của cư dân Đông Nam Á.

- *Kiến trúc tôn giáo:*

+ Đa dạng với hệ thống chùa, tháp, đền, miếu, lăng mộ, thánh đường, nhà thờ.

+ Chịu ảnh hưởng của nhiều loại hình kiến trúc Hin-đu giáo, Phật giáo, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo.

- *Kiến trúc cung đình:* hệ thống cung điện tại các kinh đô.

* *Điêu khắc*

Đạt đến trình độ cao, với nhiều tác phẩm được chạm khắc công phu, độc đáo và chịu ảnh hưởng rõ nét của điêu khắc Ấn Độ, Trung Quốc, là các tác phẩm điêu khắc mang tính chất tôn giáo, như tượng thân, tượng Phật và phù điêu.

BÀI 10: VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC

1. Cơ sở hình thành

Văn minh Văn Lang – Âu Lạc có tên gọi là Văn minh sông Hồng, văn minh Việt cổ, ra đời vào khoảng TK VII TCN, gắn liền với sự phát triển của Văn hóa Đông Sơn và sự ra đời của quốc gia Văn Lang – Âu Lạc.

a) Điều kiện tự nhiên

- *Vị trí địa lí:*

+ Hình thành chủ yếu trên phạm vi lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả (Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay).

+ Phía bắc tiếp giáp với Trung Quốc ngày nay; phía đông giáp biển.

→ Thúc đẩy sự giao lưu, tiếp xúc của cư dân Việt cổ với các nền văn minh khác.

- *Hệ thống sông:* sông Hồng, sông Mã, sông Cả đã bồi đắp phù sa, hình thành các vùng đồng bằng màu mỡ.

→ Cư dân sớm định cư sinh sống trong các xóm làng.

- *Khí hậu:* Chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, mưa nhiều.

→ Thuận lợi để cư dân đảm bảo nguồn thức ăn đa dạng.

- *Tài nguyên khoáng sản:* như sắt, đồng, chì, thiếc,...

→ Cư dân chế tác các loại hình công cụ lao động trong sản xuất và đồ dùng trong sinh hoạt hằng ngày.

b) Cơ sở xã hội

- *Xuất hiện sự phân hóa giữa các tầng lớp xã hội:*

+ Quý tộc: những người giàu, có thế lực.

+ Nông dân tự do: sinh sống trong các công xã nông thôn và chiếm đại đa số dân cư.

+ Nô tì: tầng lớp thấp nhất trong xã hội, chủ yếu phục vụ trong gia đình quý tộc.

- *Hình thành mối liên kết giữa các cộng đồng cư dân Việt cổ:*

+ Cư dân đoàn kết chống giặc ngoại xâm.

+ Đắp đê, trị thủy.

+ Khai hoang mở rộng địa bàn cư trú.

2. Thành tựu tiêu biểu

a. Bộ máy nhà nước

❖ Nhà nước Văn Lang

- *Sự ra đời của nhà nước Văn Lang:*

+ Thời gian ra đời: khoảng thế kỉ VII TCN.

+ Phạm vi: ven sông Hồng từ Việt Trì (Phú Thọ) đến chân núi Ba Vì (Hà Nội) ngày nay.

+ Kinh đô: thuộc Việt Trì (Phú Thọ) ngày nay.

- *Tổ chức nhà nước Văn Lang:*

+ 15 bộ, giúp việc cho vua là các Lạc hầu, Lạc tướng. Đứng đầu các chiềng, chạ là Bô chính.

+ Xã hội bao gồm những người quyền quý, dân tự do (nông dân công xã, thợ thủ công) và nô tì.

- *Nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước Văn Lang:*

+ Nhà nước hình thành từ trung ương đến địa phương nhưng sơ khai, tổ chức đơn giản, chia làm 3 cấp (chỉ có vài chức quan).

+ Chưa có quân đội, chưa có luật pháp, nhưng đã là tổ chức chính quyền cai quản nhà nước. Khi có chiến tranh, nhà nước huy động thanh niên trai tráng ở các chiềng, chạ tập hợp lại cùng chiến đấu.

❖ Nhà nước Âu Lạc

- *Sự ra đời nhà nước Âu Lạc:*

+ Ra đời năm 208.TCN-179.TCN

+ Tổ chức bộ máy: An Dương Vương đứng đầu, giúp việc là các lạc hầu.

- *Kinh đô*: thành Cổ Loa “dài đến ngàn trượng, cao và xoáy tròn ốc” để phòng vệ, là kinh đô, vừa là căn cứ quân sự vững chắc.

b) Đời sống vật chất

Đời sống vật chất của cư dân Văn Lang – Âu Lạc			
Ăn	Mặc	Ở	Đi lại
- Nguồn lương thực, thực phẩm: gạo nếp, gạo tẻ; các loại rau, củ, quả; gia súc, gia cầm (lợn gà vịt), thủy sản (tôm, cua, cá). - Biết dùng gia vị, làm bánh, nấu rượu,... - Trong bữa ăn có mâm, bát, muôi,...	- Nam: đóng khố, đi chân đất. - Nữ: mặc váy, đi chân đất. - Vào dịp lễ hội: trang phục có thêm đồ trang sức như vòng, nhẫn, khuyên tai, mũ gắn lông vũ.	Nhà sàn có mái cong hình thuyền hay mái tròn, hình mui làm bằng gỗ, tre, nứa, lá.	Phương thức di chuyển trên sông là chủ yếu, chủ yếu là dùng thuyền, bè.

b) Đời sống tinh thần

Đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc			
Điêu khắc, luyện kim, kĩ thuật làm gốm	Âm nhạc, ca múa	Tín ngưỡng	Lễ hội, phong tục
- Điêu khắc, luyện kim, kĩ thuật làm gốm đạt đến trình độ thâm mĩ và tư duy khá cao. - Hoa văn trang trí trên đồ đồng, đồ gốm phản ánh sinh động cuộc sống của người Việt cổ.	- Âm nhạc, ca múa có vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân với các loại nhạc cụ như trống đồng, chiêng, cồng, chuông,... - Các hoạt động múa giao duyên nam nữ.	Tín ngưỡng sùng bái các lực lượng tự nhiên thể hiện qua các nghi thức: thờ thần Mặt trời, thần núi, thần sông; thờ cúng tổ tiên, anh hùng, thủ lĩnh; thực hành nghi lễ nông nghiệp cầu mong mùa màng bội thu.	- Lễ hội: cư dân thường đua thuyền, đấu vật. - Phong tục: ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình.

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Nơi nhận:

- Niêm yết;
- PHT (Mai).
- GVBM; GVCN; HS
- Lưu: VT

Lê Thị Vân